

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27-7-2018

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi

Các hội thẩm nhân dân: Ông: Ngô Thanh Xuân

Ông: Lê Văn La

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2018/QĐXXST-DS ngày 22/6/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1976 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Hiện trú tại: Thôn B, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06/3/2018 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày: Tôi kết hôn với anh M ngày 07/01/1997, trước khi cưới có được tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong anh M cùng gia đình tôi chung sống hòa thuận đến tháng 6/2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M không chịu làm ăn, đi chơi về muộn, đánh chửi vợ, đem hết của cải đi bán ăn tiêu, tôi có khuyên ngăn nhưng anh M không thay đổi, anh M còn đánh tôi nhiều lần. Ngày

28/12/2017 âm lịch anh M đánh tôi, đến ngày 29/12/2017 âm lịch anh M mang hết quần áo, chăn màn về nhà mẹ đẻ anh M ở, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ với nhau từ đó. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn tôi thiết tha xin được ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/11/1997 và Nguyễn Thị N sinh ngày 18/7/2006, hiện cháu T đã lấy chồng ở thôn Đ, xã H, huyện Lạng Giang, còn cháu N đang ở cùng tôi, khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn vì cháu T đã lớn trưởng thành nên tôi không đề nghị Tòa án giải quyết; tôi xin được nuôi cháu N, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện hai mẹ con tôi đang ở nhờ đất của mẹ tôi chết để lại, điều kiện ăn ở tốt, tôi đang làm công nhân tại công ty điện tử khu công nghiệp Vân Trung, thu nhập bình quân khoảng từ 6.000.000đ đến 6.500.000đ/ 1 tháng. Tôi cam đoan sẽ đảm bảo việc nuôi dạy và chăm sóc con tốt.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì đáng giá, nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Bị đơn anh Nguyễn Văn M, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và giao, niêm yết các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh M vẫn không phối kết hợp để làm việc.

Tại phiên tòa hôm nay anh M vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án niêm yết triệu tập phiên tòa họp lệ đến lần thứ 2. Chị T có mặt vẫn thiết tha xin được ly hôn anh M, xin được nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của thẩm phán, thư ký, hội thẩm nhân dân, chị T trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng phía anh M không phối kết hợp làm việc, không khai báo, mặc dù đã được Tòa án giao triệu tập phiên tòa họp lệ đến lần thứ 2 nhưng anh M vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, do vậy đề nghị HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị xét xử cho chị T được ly hôn anh M, giao chị T nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản; chị T phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06/3/2018 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phan Thị T sinh năm 1976, nơi cư trú thôn H, xã N, huyện Lạng Giang,

tỉnh Bắc Giang khởi kiện xin được ly hôn anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1974, nơi ĐHKHKT: Thôn H, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, hiện trú tại: Thôn B, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; xin được nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Như vậy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân và gia đình, phạm vi khởi kiện đề nghị xin được ly hôn và nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn M ngày 07/01/1997, trên cơ sở tự nguyện hợp pháp, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống và trong công việc làm ăn hàng ngày vợ chồng thường bất đồng quan điểm dẫn đến cãi chửi nhau thậm trí đánh nhau, không bao ban được nhau để cùng làm ăn phát triển kinh tế, xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ cuối tháng 12/2017 âm lịch. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị T thiết tha xin được ly hôn anh M. Phía anh M mặc dù đã được Toà án tổng đặt thông báo thụ lý và giao, niêm yết các văn bản, thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh M không phối kết hợp để làm việc, không khai báo, tại phiên toà hôm nay anh M vắng mặt. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Đặc biệt Tòa án đã niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng anh M vẫn đều vắng mặt. Như vậy một lần nữa khẳng định anh M không còn có tư tưởng thực chất thiết tha muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh M để giải phóng cho cả 2 bên, xét là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T, anh M có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 10/11/1997 và Nguyễn Thị N sinh ngày 18/7/2006, hiện cháu T đã lấy chồng ở thôn Đ, xã H, huyện Lạng Giang, còn cháu N đang ở cùng chị T, khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn vì cháu T đã lớn trưởng thành nên chị T không đề nghị Tòa án giải quyết; mà chị T chỉ đề nghị Tòa án giải quyết xin được nuôi cháu N. HĐXX xét thấy, do anh M cố tình vắng mặt dấu địa chỉ, nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con trẻ, cần giao chị T nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Xét là phù hợp Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về chia tài sản: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh M đều vắng mặt, chị T có mặt không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0004344 Ngày 09/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

* Áp dụng Điều 28; 35; 147; 228; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2/ Về nuôi con chung: Giao chị Phan Thị T nuôi con chung là Nguyễn Thị N sinh ngày 18/7/2006; không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con; anh M được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn, không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này

3/ Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0004344 Ngày 09/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- UBND xã N, huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Thân Trọng Khôi